

Bản án số: 291/2019/HS-PT
Ngày 23 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Duy Th và các bị cáo khác, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang và kháng cáo của bị cáo Đinh Văn Ch đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2018/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1/. **Trần Duy Th**, sinh ngày 26/7/1987 tại Cà Mau; Thường trú: ấp Th, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: khu phố B, phường B1, thị xã Th1, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Phú L (sinh năm 1960) và bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1963; Có vợ là Nguyễn Thị Kim L (sinh năm 1980, không đăng ký kết hôn) và 01 con (sinh năm 2012); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/8/2017, chuyển sang tạm giam từ ngày 09/9/2017. (có mặt)

2/. **Nguyễn Long B**, sinh năm 1994 tại An Giang; Thường trú: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở: khu công nghiệp V, phường Th2, thị xã Th1, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hiếu Tr (sinh năm 1968) và bà Huỳnh Thị Kim Ph (sinh năm 1974); Tiền án:

Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/8/2017, chuyển sang tạm giam từ ngày 09/9/2017. (có mặt)

3/. **Sơn Hồng V**, sinh ngày 06/9/1991 tại Sóc Trăng; Thường trú: ấp B, xã K, huyện K1, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sơn Hùng V1 (sinh năm 1974) và bà Huỳnh Thị H (sinh năm 1972); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 26/2/2018, tạm giam từ ngày 02/6/2018. (có mặt)

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V: Luật sư Nguyễn Thị Cát U – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị cáo có kháng cáo:

Đình Văn Ch, sinh năm 1972 tại Bến Tre; Thường trú: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đình Văn C (sinh năm 1933, chết) và bà Trần Thị X (sinh năm 1938); Có vợ là Bùi Thị Th (sinh năm 1973) và 01 con (sinh năm 1993); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/8/2017, chuyển sang tạm giam ngày 09/9/2017, đến ngày 12/2/2018 được tại ngoại. (có mặt)

(Trong vụ án, còn có bị cáo Đình Vũ L, Trương Vĩnh Th1, Phan Bảo D không có kháng cáo, đã rút kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 45 phút ngày 30/8/2017, Trần Duy Th cùng Nguyễn Long B điều khiển xe mô tô loại Novo biển số 69F1 - 353.73 từ Bình Dương đến Tiền Giang đang giao bán tiền Việt Nam giả có mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) cho Đình Vũ L với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền giả được 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền thật, thì bị Công an bắt quả tang cùng tang vật.

Qua điều tra Trần Duy Th và Nguyễn Long B khai nhận đã cùng nhau làm tiền Việt Nam giả tại tỉnh Bình Dương, như sau:

Vào khoảng tháng 5/2017, Th và B có bàn bạc và thống nhất Th chi tiền để mua máy móc, thiết bị còn B nghiên cứu cách làm tiền Việt Nam giả để cùng nhau bán kiếm lời. Th và B đi mua 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell, 01 máy in màu hiệu HP, hộp mực in, 01 máy scan hiệu HP, giấy nhựa, giấy trắng A4, sơn màu trắng đục hiệu ATM, sơn nhám trong suốt hiệu Matte, 01 cái kéo cán nhựa, đặt làm decal hình bông sen để tạo hình tiền Việt Nam giả, với tổng số tiền khoảng 30.000.000 đồng, trong đó Th có vay 15.000.000 đồng của Công ty tài chính Fecredit, tại Phòng giao dịch VP Bank Lái Thiêu, tỉnh Bình Dương.

Khi mới mua máy móc, thiết bị để sản xuất tiền giả về, Th và B cất giấu tại phòng trọ của B ở phường Th2, thị xã Th1, tỉnh Bình Dương. Tại đây, Th và B đã làm thử được 01 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), số sêri SA 68686868. Do nhận thấy không giống tiền thật, khó tiêu thụ nên Th và B không tiếp tục làm tiền giả mệnh giá 100.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 7/2017, Th và B chuyển toàn bộ máy móc, thiết bị để sản xuất tiền giả đến phòng trọ của Th tại khu phố B, phường B1, thị xã Th1, tỉnh Bình Dương, để tiếp tục làm tiền giả. Lúc này Th có rủ Sơn Hồng V tham gia làm tiền giả để bán kiếm lời, V đồng ý. Tại phòng trọ của Th, các bị cáo Th, B và V đã cùng nhau làm ra tiền Việt Nam giả mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) với hai số sêri là NR 09090909, WS 16173182. Trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 8/2017, Th, B và V đã làm ra khoảng trên 240.000.000 đồng tiền Việt Nam giả mệnh giá 500.000 đồng.

Quá trình làm tiền giả được Th, B và V thực hiện như sau: Nguyễn Long B lên mạng internet lấy hình ảnh có sẵn của tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng số sêri NR 09090909, rồi dùng máy Scan để scan lấy hình ảnh tờ tiền Việt Nam thật mệnh giá 500.000 đồng số sêri WS 16173182 lưu vào máy vi tính. Sau đó B sử dụng các phần mềm Photoshop, Corel để vẽ, chỉnh sửa đường nét, màu sắc để tạo ra hình ảnh tờ tiền giả 500.000 đồng số sêri NR 09090909, WS 16173182 nhìn giống với tiền thật. B in hình ảnh tờ tiền giả 500.000 đồng đã thiết kế được ra giấy A4 và hướng dẫn Sơn Hồng V định vị dán decal tạo hình cửa sổ lớn, cửa sổ nhỏ trên hai mặt tờ polyme được cắt theo khổ giấy A4, sau đó V dùng sơn ATM xịt phủ lên hai mặt tờ polyme đã dán decal để tạo nền in. Việc dán decal và xịt sơn được V thực hiện tại phòng trọ của B hoặc phòng trọ của V tại khu phố Đ, phường L, thị xã Th1, tỉnh Bình Dương, đợi cho sơn khô thì V gỡ decal ra và đem các tờ polyme này đến phòng trọ của Th hoặc Th, B đến lấy về để in tiền giả. B dùng tờ polyme đã được V dán decal tạo cửa sổ và xịt sơn phủ đưa vào máy in màu kết nối với máy vi tính để in hình ảnh tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 500.000 đồng tiền thật. Tất cả tiền giả làm được đều do Trần Duy Th quản lý, cất giữ để bán cho người có nhu cầu mua tiền giả.

Sau khi làm được tiền giả, Th và B chụp ảnh, quay video giới thiệu về tiền giả 500.000 đồng đăng lên facebook “Lan Thái tiền giả” để rao bán với giá 1.000.000 đồng tiền thật mua được 3.000.000 đồng tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, mức bán thấp nhất là 15.000.000 đồng tiền giả. Ai cần mua tiền giả thì liên lạc qua số điện thoại 0927583396 hoặc nhắn tin. Th lấy tài khoản Facebook của mình tên “MY Huynh Anh” đổi tên thành “Lan Thái tiền giả”, hình nền là các tờ tiền 500.000 đồng được xếp hình rẽ quạt, ảnh đại diện là ảnh chụp các tờ tiền 500.000 đồng xếp chồng thành hình cột, bên dưới có dòng chữ “A.Dũng” kèm số điện thoại di động của Th. Th là người thường xuyên dùng điện thoại Samsung đăng nhập vào trang “Lan Thái tiền giả” để trả lời, trao đổi, thỏa thuận với người đặt mua tiền giả, thỉnh thoảng B có sử dụng máy vi tính kết nối internet vào trang “Lan Thái tiền giả” trả lời người liên hệ mua tiền giả. Trần Duy Th có lưu lại hầu hết số điện thoại của người đặt mua tiền giả trong máy

điện thoại Mobiistar màu trắng của Th.

Khi có người liên hệ đặt mua tiền giả và thỏa thuận xong về số lượng, giá cả, thời gian, địa điểm mua bán tiền giả, Trần Duy Th cùng Nguyễn Long B trực tiếp đi bán tiền giả hoặc Th giao cho B, Sơn Hồng V đi giao bán tiền giả. Th chuẩn bị sẵn tiền giả, cung cấp số điện thoại của người mua và địa điểm hẹn gặp để B, V đi giao bán tiền giả và đem tiền thật đã bán được tiền giả về đưa cho Th.

Th, B, V khai nhận đã đi bán tiền giả nhiều lần, cụ thể: Th đi bán 15.000.000 đồng tiền giả cho người có tên Facebook “Phan Linh” tại vòng xoay A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh lấy 5.000.000 đồng; Th và B đi bán 30.000.000 đồng tiền giả cho người mua tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh lấy 10.000.000 đồng; Th và B đi bán 60.000.000 đồng tiền giả cho người mua tên “Hùng” tại thành phố M, Tiền Giang lấy 20.000.000 đồng; V đi bán 15.000.000 đồng tiền giả cho người có tên Facebook là “Caocao Caocao” tại T, Bình Dương lấy 5.000.000 đồng (là bị cáo Phan Bảo D); V đi bán 15.000.000 đồng tiền giả cho người mua tại C, Tiền Giang lấy 5.000.000 đồng; V đi bán 10.000.000 đồng tiền giả cho người mua tại Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh lấy 3.300.000 đồng; B và V đi bán 15.000.000 đồng tiền giả cho người mua tại Quốc Lộ 13, thị xã Th1, Bình Dương lấy 5.000.000 đồng; bán cho người tên “Thắng” 15.000.000 đồng tiền giả lấy 5.000.000 đồng (các bị cáo không nhớ bán tại đâu). Lần cuối cùng, vào ngày 30/8/2017 Th và B chuẩn bị 77 triệu tiền giả để đi bán cho người ở Bến Tre có tên facebook là “Đinh Vũ L” (bị cáo Đinh Vũ L) mua 30.000.000 đồng tiền giả với giá 10.000.000 đồng tiền thật, người ở Kiên Giang có tên facebook là “Trình Tú” mua 30.000.000 đồng tiền giả với giá 10.000.000 đồng tiền thật, người ở Bạc Liêu có tên facebook là “My Nguyên” mua 15.000.000 đồng tiền giả với giá 5.000.000 đồng tiền thật; khi đang giao bán cho Đinh Vũ L, Đinh Văn Ch thì bị bắt quả tang.

Số tiền giả mệnh giá 500.000 đồng với hai số sêri NR 09090909, WS 16173182 do Th, B và V cùng sản xuất làm ra đem đi bán được khoảng 175.000.000 đồng tiền giả, thu được 58.300.000 đồng tiền thật.

Giữa Th, B, V không có thỏa thuận trước về việc phân chia số tiền thu được từ việc bán tiền giả mà do Th cất giữ, quản lý, khi B, V cần tiền hỏi xin thì Th cho. Số tiền 58.300.000 đồng Th đã chi để sửa xe Luvias của bạn gái B khoảng 7.000.000 đồng, cho B tiêu xài cá nhân khoảng 8.000.000 đồng, cho V tiêu xài cá nhân khoảng 4.000.000 đồng, còn lại Th dùng để trả tiền ăn, uống cho Th, B và V trong thời gian cùng nhau làm tiền giả và Th tiêu xài cá nhân.

Do có nhu cầu mua tiền giả về để tiêu thụ nên vào ngày 28/8/2017, Đinh Vũ L sử dụng facebook cá nhân tên “Đinh Vũ L” nhắn tin cho trang facebook “Lan Thái tiền giả” của Trần Duy Th, để thỏa thuận và đặt mua 30.000.000 đồng tiền Việt Nam giả mệnh giá 500.000 đồng với giá 10.000.000 đồng tiền thật. L nhắn tin cung cấp số điện thoại 01678641137 của L cho Th để liên lạc và hẹn thời gian giao, nhận tiền giả vào lúc 14 giờ ngày 30/8/2017 tại cầu Rạch Miễu. Sau khi đặt mua tiền giả, L nói với Đinh Văn Ch (cha của L) là đã đặt mua trên

mạng 30.000.000 đồng tiền giả với giá 10.000.000 đồng tiền thật, địa điểm giao, nhận tiền giả tại cầu R. Ch nói không biết mua về có xài được không, lỡ bị Công an bắt thì sao, L trả lời là để L mua một ít về xài thử, nếu bị Công an bắt thì chỉ phạt hành chính chứ không ở tù đâu, nghe vậy Ch im lặng. Ch còn nói nếu L đi một mình lỡ bị lừa hoặc bị cướp thì sao, để Ch đi cùng với L cho có cha có con. Vào trưa ngày 30/8/2017, Đinh Văn Ch sử dụng xe gắn máy biển số 71B1 - 732.08 chở L từ xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre đi đến cầu R(phía Tiền Giang) để nhận tiền giả như đã hẹn trước. Ch chở L đến cầu R lúc hơn 13 giờ cùng ngày, L nhắn tin qua facebook cho Th hỏi tới chưa thì được Th gọi điện thông báo đến trễ nên L và Ch đi ăn, uống, vào siêu thị Coop-mart tại thành phố M mua đồ và tiếp tục chờ mua tiền giả. Trong lúc chờ đợi, L có nhiều lần nhắn tin, gọi điện đề hỏi thúc việc giao tiền giả. Đến khoảng gần 21 giờ cùng ngày B gọi cho L hẹn gặp tại Ngã ba Tr để giao tiền giả, L dùng xe mô tô biển số 71B1 - 732.08 chở Ch đến khu vực vòng xoay ngã ba Tr gặp Th và B, lúc này B đưa cho L một xấp tiền giả mệnh giá 500.000 đồng được gói trong tờ giấy có ghi chữ “Bến Tre”, trong lúc L đang mở ra kiểm tra tiền giả và Ch ngồi phía sau trên xe mô tô quan sát thì bị Công an tỉnh Tiền Giang bắt quả tang.

Đinh Vũ L khai là định mua 9.000.000 đồng tiền giả với giá 3.000.000 đồng tiền thật, nhưng qua tài khoản facebook trao đổi, thỏa thuận mua bán giữa L và Th đã thể hiện rõ là L đã đặt mua 30.000.000 đồng tiền giả với giá 10.000.000 đồng tiền thật và Th đã chuẩn bị sẵn 30.000.000 đồng tiền giả để bán cho L, xấp tiền giả mà B đưa cho L khi bị bắt quả tang là 30.000.000 đồng tiền giả.

Có ý định mua tiền giả về để tiêu thụ, vào khoảng tháng 7/2017 Phan Bảo D, sinh năm 1992, ngụ: xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, chỗ ở: khu phố Ô, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương, lên Facebook đăng ký tên “Caocao Caocao” để tìm mua tiền giả. D vào trang facebook tên “My Huynh Anh” có rao bán tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng và có số điện thoại liên lạc. D sử dụng số điện thoại 0964149030 để liên lạc, trao đổi với Trần Duy Th (tự xưng là Tuấn) về việc mua bán tiền giả và đồng ý mua của Th 15.000.000 đồng tiền giả với giá 5.000.000 đồng tiền thật. Đến khoảng giữa tháng 8/2017, D liên lạc với Th và hẹn địa điểm giao, nhận tiền giả là khu phố Ô, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, Th và B đưa 15.000.000 đồng tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số sêri NR 09090909 và xe mô tô hiệu Wave màu xanh cho Sơn Hồng V đi đến địa điểm đã hẹn để giao cho D. Tại đây V giao cho D số tiền giả và nhận 5.000.000 đồng tiền thật về đưa cho Th. Còn D đem tiền giả vừa mua được về phòng trọ tại khu phố Ô, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương cất giấu. Sau đó, D lấy một số tờ tiền giả ra xem thì bị tróc sơn dính vào nhau, D đem vò và ngâm nước thì bị nhòe, nên đem bỏ các tờ tiền giả này vào thùng rác tại khu nhà trọ nơi D ở. Vì thấy tiền giả “xấu” nên D không đem đi tiêu thụ.

Sau đó, vào ngày 24/9/2017, Phan Bảo D gặp lại Truong Vĩnh Th1, là bạn bè quen biết nên D rủ Th1 đến phòng trọ của D để nhận. Sau khi nhận xong, D lấy tiền giả đã mua cho Th1 xem và cho Th1 18 tờ tiền giả mệnh giá 500.000

đồng để đi tiêu thụ. Th1 đem tiền giả về phòng trọ tại khu phố T2, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương cất giấu, trong phòng trọ của Th1 có Lê Bình S, Nguyễn Nguyễn Kh và Trịnh Cao C. Thấy Th1 có tiền giả nên C xin 02 tờ với mục đích để vào ví của C cho đẹp, còn Kh và S đều can ngăn Th1 đem trả số tiền giả chứ không được mang đi tiêu thụ, nhưng Th1 không nghe. Vào ngày 03/10/2017, Th1 mang theo 16 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, điều khiển xe mô tô biển số 68HC - 9429 chạy đến khu vực gần cây xăng T3 thuộc khu phố T2, phường T1, thị xã T để mua 01 con chim cảnh và 01 cái lồng chim với giá 500.000 đồng của ông Lê Văn T thì bị phát hiện bắt quả tang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2018/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V phạm tội “Làm, lưu hành tiền giả”.

Bị cáo Đinh Văn Ch, Phan Bảo D phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Duy Th 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2017.

Buộc bị cáo phải nộp 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) thu lợi bất chính. Thời gian nộp tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Long B 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2017.

Buộc bị cáo phải nộp 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) thu lợi bất chính. Thời gian nộp tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Sơn Hồng V 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/4/2018.

Buộc bị cáo phải nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) thu lợi bất chính. Thời gian nộp tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 2 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Ch 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 31/8/2017 đến ngày

12/02/2018.

Áp dụng khoản 2 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Bảo D 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/10/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt của bị cáo Đinh Vũ L, Trương Vĩnh Th1; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 11/12/2018, bị cáo Phan Bảo D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, ngày 25/4/2019, bị cáo Phan Bảo D đã có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Ngày 08/5/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 33/2019/TB-TA thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo.

Ngày 12/12/2018, bị cáo Đinh Văn Ch có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 26/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VC3-V1 đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015), tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V; đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VC3-V1; bị cáo Đinh Văn Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang; áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 (điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015) để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo này đều bị tuyên áp dụng khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự phạt tiền bổ sung nhưng cấp sơ thẩm không phạt là vi phạm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Th từ 16 đến 18 năm tù và 30 triệu đồng, xử phạt bị cáo B từ 15 đến 17 năm tù và 20 triệu đồng, xử phạt bị cáo V từ 12 đến 14 năm tù và 10 triệu đồng. Đối với bị cáo Ch xin được hưởng án treo là không có căn cứ, hình phạt cấp sơ thẩm xử là nhẹ. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ch.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V, Đinh Văn Ch thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 5/2017 đến tháng 8/2017, Trần Duy Th cùng với Nguyễn Long B và Sơn Hồng V đã bàn bạc cùng nhau mua dụng cụ như máy tính xách tay, máy in màu, hộp mực in, máy scan, giấy nhựa... để làm giả tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, để bán thu lợi với mức giá 1.000.000 đồng tiền thật mua được 3.000.000 đồng tiền giả. Các bị cáo Th, B, V đã làm giả được tổng cộng 240.000.000 đồng tiền giả; đem đi tiêu thụ được 175.000.000 đồng tiền giả; thu lợi 58.300.000 đồng tiền thật.

Số tiền giả làm được, các bị cáo bán ra ngoài cho các đối tượng khác tiêu thụ như Đinh Vũ L, Phan Bảo D và một số đối tượng khác thông qua mạng xã hội Fecabook, chưa xác định rõ được lai lịch. Trong đó, bị cáo Đinh Văn Ch là người đi cùng với Đinh Vũ L để giao dịch mua bán số tiền giả 30.000.000 đồng, với giá 10.000.000 đồng; khi đang thực hiện giao dịch thì bị bắt quả tang.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V phạm tội “Làm, lưu hành tiền giả”; bị cáo Đinh Văn Ch phạm tội “Lưu hành tiền giả” theo Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung 2009 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V đã bàn bạc, thống nhất phân công nhiệm vụ, chuẩn bị các dụng cụ để làm ra số tiền giả lớn 240.000.000 đồng và đưa đi tiêu thụ. Trần Duy Th là người chủ mưu, chi tiền để mua máy móc, phương tiện và điều hành việc làm tiền giả, đem đi lưu hành. Nguyễn Long B là người cùng Th mua máy móc, thiết bị và trực tiếp nghiên cứu, thiết kế để tạo ra tiền giả. Sơn Hồng V là người tham gia cùng B làm tiền giả và lưu hành tiền giả ra ngoài thị trường. Hành vi phạm tội của các bị cáo hết sức tinh vi, có sự phân công rõ ràng vai trò của từng bị cáo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức” theo điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định của nhà nước về phát hành và lưu hành tiền tệ, ảnh hưởng đến an ninh tiền tệ quốc gia và trật tự xã hội. Các bị cáo phạm tội với 02 tình tiết tăng nặng là

phạm tội có tổ chức và phạm tội nhiều lần. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Th 12 năm tù, B 10 năm tù và V 08 năm tù là còn nhẹ. Ngoài ra, các bị cáo còn bị tuyên áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự năm 1999, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng nhưng không tuyên phạt là không đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là cần thiết.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với 03 bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; đảm bảo mức hình phạt xứng đáng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đinh Văn Ch:

Bị cáo Ch là cha của bị cáo Đinh Vũ L, khi biết L đặt mua tiền giả để sử dụng, bị cáo không những không can ngăn mà còn cùng L đi nhận tiền. Số tiền mà bị cáo L và bị cáo giao dịch là 30.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 180 Bộ luật hình sự năm 1999 có mức hình phạt từ 05 năm đến 12 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo và L vừa nhận được tiền giả, chưa tiêu thụ thì bị bắt quả tang, chưa gây thiệt hại cho xã hội; vai trò của bị cáo là hạn chế; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên đã xử phạt bị cáo 02 năm tù – dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức”, tăng hình phạt và áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn Ch.

[5] Bị cáo Đinh Văn Ch phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn Ch.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2018/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố các bị cáo Trần Duy Th, Nguyễn Long B, Sơn Hồng V phạm tội “Làm, lưu hành tiền giả”; bị cáo Đinh Văn Ch phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Duy Th 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Trần Duy Th nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thu lợi bất chính. Thời gian nộp tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Long B 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Long B phải nộp phạt bổ sung 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) thu lợi bất chính. Thời gian nộp tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Sơn Hồng V 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/6/2018, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 16/2/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Sơn Hồng V phải nộp phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) thu lợi bất chính. Thời gian nộp tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 2 Điều 180 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Ch 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 30/8/2017 đến ngày 12/02/2018.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Đinh Văn Ch phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Công an tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang (4);
- BCTN (1);
- Lưu VP(3), HS(2), 17b (MSL38)

Trần Thị Thu Thủy